

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2023

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Lê Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 579/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh N, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ I, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ I, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Đinh Thị Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N1 không chăm lo cho gia đình, ham chơi cờ bạc dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên bà N về nhà mẹ ruột sống từ tháng 8/2023 và ly thân đến nay.

Hai bên gia đình đã hàn gắn tình cảm nhưng bà N nhận thấy không có khả năng, quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông N1.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Văn Cao A, sinh ngày 09/9/2006; Nguyễn Văn Cao M, sinh ngày 30/01/2010 và Nguyễn Văn Cao T, sinh ngày 02/5/2015, hiện nay con chung đang sống chung với ông N1. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông N1. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Cháu Nguyễn Văn Cao A có văn bản trình bày ý kiến: Cháu hiện nay không còn đi học và đang sống cùng cha, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha và không yêu cầu gì về mẹ.

Cháu Nguyễn Văn Cao T có văn bản trình bày ý kiến: Cháu hiện đang sống cùng cha và học lớp 3A trường Tiểu học P, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha để thuận lợi cho việc đi học và không yêu cầu gì về mẹ. Ngoài ra, cháu T còn cho biết nguyên nhân mẹ xin ly hôn là do cha không chăm lo làm ăn, nhiều lần mẹ khuyên ngăn nhưng cha không thay đổi.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông N1 theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà N, ông N1 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản về việc không làm việc được với đương sự ngày 08/12/2023 tại Ban ấp P, xã P thể hiện, ông N1 hiện vẫn đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang là con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị S.

Về mâu thuẫn hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N2 - mẹ ruột của bà N cho biết quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông N1 đúng như lời bà N trình bày. Khoảng năm 2022, bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng được hai bên gia đình và ban ấp hòa giải hàn gắn tình cảm nên bà N cho ông N1 cơ hội thay đổi. Nay mâu thuẫn vẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng hơn nên bà N quyết định ly hôn, gia đình tôn trọng quyết định của bà và không có ý kiến.

Bà Nguyễn Thị T1 – chị ruột của ông N1 cho biết quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông N1 đúng như lời bà N trình bày. Nguyên nhân bà N xin ly hôn là do ông N1 không chí thú làm ăn, không chăm lo cho gia đình, bà N nhiều lần khuyên ngăn và đứng ra trả nợ nhưng ông vẫn không thay đổi. Nay bà N xin ly hôn gia đình bà không có ý kiến, ông N1 đã rất nhiều lần chơi bời gây khó khăn cho vợ con nên bà N xin ly hôn là thỏa đáng.

Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Văn Cao A, Nguyễn Văn Cao M và Nguyễn Văn Cao T, các con chung hiện ở với ông N1, riêng cháu M đã đi làm ở Bình Dương nên không có mặt ở nhà để ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà N bảo lưu ý kiến, kiên quyết ly hôn với ông N1. Bà tôn trọng nguyện vọng của các con và đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ/con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông N1 trình bày: Ông thống nhất với quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung bà N trình bày. Trong thời gian bà N về mẹ ruột sống, ông có nhiều lần liên lạc, đến gặp để hàn gắn tình cảm nhưng bà N kiên quyết không chịu quay về. Hiện nay ông đã chí thú làm ăn, không còn tham gia tệ nạn xã hội nữa nên mong bà N suy nghĩ lại, ông nhận thấy vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Các con chung có nguyện vọng tiếp tục sống với ông N1 để ổn định việc học, bà N tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N chung sống với ông N1 đến năm 2023 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N1 hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông N1 xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A vào ngày 06/9/2007 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông N1. Tại phiên hòa giải bà N yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm; tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã động viên hàn gắn tình cảm nhưng bà N kiên quyết, đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông N1.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn ông bà phát phát sinh từ đầu năm 2023 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà N cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông N1 không chăm lo cho gia đình, ham chơi cờ bạc dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không

thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Văn Cao A, sinh ngày 09/9/2006; Nguyễn Văn Cao M, sinh ngày 30/01/2010 và Nguyễn Văn Cao T, sinh ngày 02/5/2015, hiện nay con chung đang sống chung với ông N1. Bà N và ông N1 thống nhất nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông bà đồng ý theo nguyện vọng của các con được tiếp tục sống với ông N1.

Đối với việc thống nhất về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được ông N1 và gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu. Quan trọng hơn, cháu Cao A và Cao T đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông N1 để thuận lợi cho việc học. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Cao M; tuy nhiên theo trình bày của bà N2 – mẹ ruột của bà N và bà T1 – chị ruột của ông N1, cháu Cao M cũng đang sống cùng gia đình ông N1 nhưng đã đi làm ở Bình Dương nên không có mặt ở nhà nên theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho ông N1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà N, thời gian bắt đầu thực hiện là tháng 01/2024.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông N1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh N.

1. Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn N1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 ngày 06/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã P mang tên bà Đinh Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn N1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông N1 được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Văn Cao A, sinh ngày 09/9/2006; Nguyễn Văn Cao M, sinh ngày 30/01/2010 và Nguyễn Văn Cao T, sinh ngày 02/5/2015.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bà N 2.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu thực hiện là tháng 01/2024.

Ông N1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008641 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà N nộp bổ sung 300.000đ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân